



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CẨM NANG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ DÀNH CHO HỌC SINH



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

**CẨM NANG PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG
VI PHẠM PHÁP LUẬT
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
DÀNH CHO HỌC SINH**

Tập thể tác giả

- 1. PGS.TS. Nguyễn Minh Đức (Chủ biên)**
- 2. ThS. Khiếu Mạnh Hùng**
- 3. ThS. Nguyễn Minh Đạo**
- 4. ThS. Nguyễn Xuân Hữu**
- 5. ThS. Nguyễn Thị Mỹ Lệ**
- 6. ThS. Trịnh Vũ Thành**
- 7. ThS. Nguyễn Hữu Đăng**
- 8. ThS. Lê Minh Hoài**
- 9. CN. Hà Thị Trâm**

PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC (Chủ biên)

**CẨM NANG PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG
VI PHẠM PHÁP LUẬT
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
DÀNH CHO HỌC SINH**

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

Hà Nội - 2015

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong những năm qua, kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã góp phần thúc đẩy phát triển nhiều mặt của nền sản xuất xã hội. Bên cạnh những mặt thuận lợi của nền kinh tế thị trường thì mặt trái của nó cũng đang làm nảy sinh không ít những vấn đề phức tạp mới, tác động trực tiếp đến trật tự an toàn xã hội của nước ta. Trong đó, trật tự an toàn giao thông là một bộ phận của trật tự an toàn xã hội không thể tách rời. Sự phát triển của ngành giao thông vận tải đã đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của đất nước về mọi mặt: kinh tế, xã hội, chất lượng cuộc sống... Tuy nhiên một thực trạng hiện nay ở nước ta là hệ thống đường giao thông chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của tốc độ phát triển kinh tế, xã hội đất nước, lại liên tiếp bị thiên tai gây thiệt hại và để lại hậu quả rất nặng nề làm tăng thêm những khó khăn mới. Tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông nhất là tai nạn giao thông đang diễn biến phức tạp đã gây ra những hệ lụy và tác hại rất lớn cho xã hội.

Một trong những nguyên nhân của tai nạn giao thông đó là ý thức của những người tham gia giao thông còn hạn chế trong việc tìm hiểu và chấp hành pháp luật giao thông, một bộ phận không nhỏ người vi phạm là các thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Đây là lứa tuổi đang trong quá trình hình thành nhân cách, chưa nhận thức được đầy đủ hành vi của bản thân, dễ bị ảnh hưởng bởi tâm lý lứa tuổi và tâm lý đám đông, mong muốn thể hiện cái tôi cá nhân; trong khi có lúc, có nơi gia đình cũng như nhà trường chưa thấy được tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật giao thông trong học đường, vì vậy, việc giáo dục nâng cao ý thức pháp luật giao thông trong học sinh, sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng cần được quan tâm chú ý. Để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật giao thông, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản cuốn sách ***“Cẩm nang pháp luật về phòng, chống vi phạm pháp luật giao thông đường bộ dành cho học sinh”*** để làm cẩm nang cho bạn đọc cấp cơ sở xã, phường, thị trấn; đồng thời là tài liệu hữu ích cho các bậc phụ huynh tham khảo trong việc giáo dục con em tại gia đình và là tài liệu giúp các em tự học.

Cuốn sách được biên soạn dựa trên những quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; đồng thời, dựa trên phương pháp sư phạm tích cực với kết cấu lôgic, chặt chẽ, kết hợp giữa những hình ảnh minh họa trực

quan với những phần lý thuyết, giúp cho việc tiếp thu kiến thức của học sinh, sinh viên được thuận lợi, có hệ thống. Cuốn sách do các chuyên gia, các nhà khoa học - luật học của Trung tâm Nghiên cứu Tội phạm học và điều tra tội phạm, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an biên soạn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc!

Tháng 7 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Đi lại là nhu cầu tự thân, nó ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của loài người. Sự phát triển kinh tế tăng lên, giao lưu xã hội tăng lên đòi hỏi việc đi lại nhiều hơn. Học sinh, sinh viên phải đi lại nhiều hơn vì học chính khóa, sinh hoạt lớp, học thêm, vui chơi giải trí văn nghệ, thể dục thể thao... Tuy nhiên, nếu để xảy ra tai nạn trong quá trình đi lại thì sẽ gây bất hạnh cho gia đình và xã hội.

Do đó, cùng với nhu cầu đòi hỏi khách quan về đi lại của con người; vấn đề yêu cầu về an toàn là yêu cầu đầu tiên trong việc đi lại của con người cũng như trong hoạt động giao thông vận tải. Từ xa xưa, người ta đã quen chúc nhau “Thượng lộ bình an”, hoặc dặn dò trẻ em: “Nhớ đi đến nơi, về đến chốn em (con) nhé!”.

Vì vậy, an toàn trở thành một thuộc tính hữu cơ cùng với vấn đề đi lại của con người. Cho nên, câu nói “an toàn là bạn, tai nạn là thù” vừa là mục tiêu, vừa là lời nhắc nhở chúng ta khi đi lại trên đường. Vì vậy, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông là điều kiện tiên quyết để được an toàn cho học sinh các cấp học khi đi lại trên đường, đó là niềm hạnh phúc lớn lao cho mọi gia đình.

Phần 1

NHỮNG TÍN HIỆU GIAO THÔNG HỌC SINH CẦN BIẾT KHI ĐI TRÊN ĐƯỜNG NHẪM BẢO ĐẢM AN TOÀN

Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

Biển báo đường bộ Việt Nam gồm 5 nhóm biển được quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật giao thông đường bộ năm 2008 như sau:

- **Biển báo cấm** để biểu thị các điều cấm;
- **Biển báo nguy hiểm** để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;
- **Biển hiệu lệnh** để báo các hiệu lệnh phải thi hành;
- **Biển chỉ dẫn** để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;
- **Biển phụ** để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

Hệ thống biển báo đường bộ kết hợp với các tín hiệu đèn giao thông, vạch kẻ đường và cọc tiêu, tường bảo vệ, rào chắn để hợp thành **Hệ thống báo hiệu đường bộ** (Điều 10 Luật giao thông đường bộ năm 2008).

Nhóm biển báo cấm có dạng hình tròn (trừ biển số 122 - STOP “dừng lại” có hình 8 cạnh đều) nhằm báo điều cấm hoặc hạn chế mà người giao thông trên đường phải tuyệt đối tuân theo. Hầu hết, các biển báo cấm đều có viền đỏ, nền màu trắng, trên nền có hình vẽ màu đen đặc trưng cho điều cấm hoặc hạn chế sự đi lại của các phương tiện cơ giới, thô sơ và người đi bộ. Nhóm biển báo cấm gồm có 39 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 101 đến biển số 139.

Hiệu lực của các loại biển báo cấm có thể có giá trị trên tất cả các làn đường hoặc chỉ có giá trị trên một hoặc một số làn của một chiều xe chạy. Các làn đường phải được đánh dấu riêng biệt bằng các vạch dọc liền trên mặt phần xe chạy. Nếu hiệu lực của biển chỉ hạn chế trên một hoặc một số làn đường thì nhất thiết phải theo biển và một biển phụ số 504 “Làn đường” đặt ngay bên dưới biển chính.

1. Các biển báo cấm trên hệ thống đường bộ Việt Nam

Cách nhận biết: Biển có dạng hình tròn. Hầu hết các biển báo cấm có viền đỏ, nền màu trắng;

trên nền biển có hình vẽ màu đen đặc trưng cho điều cấm hoặc hạn chế sự đi lại của phương tiện cơ giới; thô sơ và người đi bộ.



Số hiệu biển báo: 101

Tên biển báo: **Đường cấm**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại phương tiện (cơ giới và thô sơ) đi lại cả hai hướng, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 102

Tên biển báo: **Cấm đi ngược chiều**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe (cơ giới và thô sơ) đi vào theo chiều đặt biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 103a

Tên biển báo: **Cấm ô tô**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kể cả mô tô 3 bánh có thùng đi qua, trừ mô tô hai bánh, xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 103b

Tên biển báo: **Cấm ô tô rẽ phải**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kể cả mô tô 3 bánh có thùng xe rẽ phải, trừ mô tô hai bánh, xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 103c

Tên biển báo: **Cấm ô tô rẽ trái**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kể cả mô tô 3 bánh có thùng xe rẽ trái, trừ mô tô hai bánh, xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 104

Tên biển báo: **Cấm mô tô**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại mô tô đi qua, trừ các xe mô tô được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 105

Tên biển báo: **Cấm ô tô và mô tô**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe cơ giới và mô tô đi qua trừ xe gắn máy và các xe ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 106

Tên biển báo: **Cấm ô tô tải**

Chi tiết: Để báo đường cấm tất cả các loại ô tô tải có trọng lượng lớn nhất cho phép (bao gồm trọng lượng xe và hàng) trên 3,5 tấn đi qua trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 107

Tên biển báo: **Cấm ô tô khách và ô tô tải**

Chi tiết: Để báo đường cấm ô tô chở hành khách và các loại ô tô tải có trọng lượng lớn nhất cho phép trên 3,5 tấn kể cả các loại máy kéo và xe máy thi công chuyên dùng đi qua trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 108

Tên biển báo: **Cấm ô tô kéo moóc**

Chi tiết: Đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kéo theo rơ-moóc kể cả mô tô, máy kéo, ô tô khách kéo theo rơ-moóc đi qua, trừ loại ô tô sơ-mi rơ-moóc và các loại xe được ưu tiên (có kéo theo rơ-moóc) theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 109

Tên biển báo: **Cấm máy kéo**

Chi tiết: Để báo đường cấm tất cả các loại máy kéo, kể cả máy kéo bánh hơi và bánh xích đi qua.



Số hiệu biển báo: 110a

Tên biển báo: **Cấm đi xe đạp**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe đạp đi qua. Biển không có giá trị cấm những người dắt xe đạp.



Số hiệu biển báo: 110b

Tên biển báo: **Cấm xe đạp thô**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe đạp thô đi qua. Biển này không cấm người dắt loại xe này.



Số hiệu biển báo: 111a

Tên biển báo: **Cấm xe gắn máy**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe gắn máy đi qua. Biển không có giá trị đối với xe đạp.



Số hiệu biển báo: 111b

Tên biển báo: **Cấm xe ba bánh loại có động cơ (xe lam)**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe ba

bánh loại có động cơ như xe lam, xích lô máy, xe lôi máy...



Số hiệu biển báo: 111c

Tên biển báo: **Cấm xe ba bánh loại có động cơ (xe lôi máy)**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe ba bánh loại có động cơ như xe lam, xích lô máy, xe lôi máy...



Số hiệu biển báo: 111d

Tên biển báo: **Cấm xe ba bánh loại không có động cơ**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe ba bánh loại không có động cơ như xích lô, xe lôi, xe đạp...



Số hiệu biển báo: 112

Tên biển báo: **Cấm người đi bộ**

Chi tiết: Để báo đường cấm người đi bộ qua lại.



Số hiệu biển báo: 113

Tên biển báo: **Cấm xe người kéo, đẩy**

Chi tiết: Để báo đường cấm xe người kéo, đẩy đi qua. Biển không có giá trị cấm những xe nôi của trẻ em và phương tiện chuyên dùng để đi lại của người tàn tật.



Số hiệu biển báo: 114

Tên biển báo: **Cấm xe súc vật kéo**

Chi tiết: Để báo đường cấm súc vật vận tải hàng hóa hoặc hành khách dù kéo xe hay chở trên lưng đi qua.



Số hiệu biển báo: 115

Tên biển báo: **Hạn chế trọng lượng xe**

Chi tiết: Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật, có trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) vượt quá trị số ghi trên biển đi qua.



Số hiệu biển báo: 116

Tên biển báo: **Hạn chế trọng lượng trên trục xe**

Chi tiết: Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật, có trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) phân bố trên một trục bất kỳ của xe vượt quá trị số ghi trên biển đi qua.



Số hiệu biển báo: 117

Tên biển báo: **Hạn chế chiều cao**

Chi tiết: Cấm các xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy

định pháp luật có chiều cao (tính đến điểm cao nhất kể cả xe và hàng hóa) vượt quá trị số ghi trên biển không được đi qua.



Số hiệu biển báo: 118

Tên biển báo: **Hạn chế chiều ngang**

Chi tiết: Cấm các xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật có chiều ngang (kể cả xe và hàng hóa) vượt quá trị số ghi trên biển không được đi qua.



Số hiệu biển báo: 119

Tên biển báo: **Hạn chế chiều dài ô tô**

Chi tiết: Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật, có độ dài toàn bộ kể cả xe và hàng lớn hơn trị số ghi trên biển đi qua.



Số hiệu biển báo: 120

Tên biển báo: **Hạn chế chiều dài ô tô kéo móc**

Chi tiết: Đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kéo theo móc kể cả ô tô sơ-mi rơ-móc và các loại xe được ưu

tiên kéo moóc theo quy định pháp luật, có độ dài toàn bộ kể cả xe, moóc và hàng lớn hơn trị số ghi trên biển đi qua.



Số hiệu biển báo: 121

Tên biển báo: **Cự ly tối thiểu giữa hai xe**

Chi tiết: Để báo xe ô tô phải đi cách nhau một khoảng tối thiểu. Số ghi trên biển cho biết khoảng cách tối thiểu tính bằng mét. Biển có hiệu lực cấm các xe ô tô không được đi cách nhau kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật một cự ly nhỏ hơn trị số ghi trên biển báo.



Số hiệu biển báo: 122

Tên biển báo: **Dừng lại**

Chi tiết: Biển có hiệu lực buộc các xe cơ giới và thô sơ kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật dừng lại trước biển hoặc trước vạch ngang đường và chỉ được phép đi khi thấy các tín hiệu (do người điều khiển giao thông hoặc đèn, còi) cho phép đi.



Số hiệu biển báo: 123a

Tên biển báo: **Cấm rẽ trái**

Chi tiết: Cấm rẽ trái (theo hướng mũi tên chỉ) ở những chỗ đường giao nhau. Biển có hiệu lực cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật được rẽ trái.



Số hiệu biển báo: 123b

Tên biển báo: **Cấm rẽ phải**

Chi tiết: Để báo cấm rẽ phải (theo hướng mũi tên chỉ) ở những chỗ đường giao nhau. Biển có hiệu lực cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật được rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 124a

Tên biển báo: **Cấm quay xe**

Chi tiết: Cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) quay đầu theo kiểu chữ U, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 124b

Tên biển báo: **Cấm ô tô quay đầu xe**

Chi tiết: Cấm xe ô tô và xe mô tô 3

bánh (cicle car) quay đầu theo kiểu chữ U, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 125

Tên biển báo: **Cấm vượt**

Chi tiết: Cấm các loại xe cơ giới vượt nhau kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật. Được phép vượt xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy.



Số hiệu biển báo: 126

Tên biển báo: **Cấm ô tô tải vượt**

Chi tiết: Cấm tất cả các loại ô tô tải có trọng lượng lớn nhất cho phép (bao gồm trọng lượng xe và hàng) trên 3,5 tấn kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật vượt nhau. Được phép vượt xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy.



Số hiệu biển báo: 127

Tên biển báo: **Tốc độ tối đa cho phép**

Chi tiết: Cấm tất cả các loại xe cơ giới chạy với tốc độ tối đa vượt quá trị số ghi trên biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 128

Tên biển báo: **Cấm bóp còi**

Chi tiết: Cấm các loại xe cơ giới sử dụng còi.



Số hiệu biển báo: 129

Tên biển báo: **Kiểm tra**

Chi tiết: Để báo nơi đặt trạm kiểm tra, các loại phương tiện vận tải qua đó phải dừng lại để làm thủ tục kiểm tra, kiểm soát theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 130

Tên biển báo: **Cấm dừng xe và đỗ xe**

Chi tiết: Để báo nơi cấm dừng xe và đỗ xe. Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới dừng và đỗ lại ở phía đường có đặt biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 131a

Tên biển báo: **Cấm đỗ xe**

Chi tiết báo hiệu: Để báo nơi cấm đỗ xe. Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới đỗ lại ở phía đường có đặt biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 131b

Tên biển báo: **Cấm đỗ xe (ngày lễ)**

Chi tiết báo hiệu: Để báo nơi cấm đỗ xe ngày lễ. Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới đỗ lại ở phía đường có đặt biển vào các ngày lễ, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 131b

Tên biển báo: **Cấm đỗ xe (ngày chẵn)**

Chi tiết báo hiệu: Để báo nơi cấm đỗ xe ngày chẵn. Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới đỗ lại ở phía đường có đặt biển vào các ngày chẵn, trừ các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 135

Tên biển báo: **Hết tất cả các lệnh cấm**

Chi tiết: Biển báo hiệu đoạn đường hết tất cả các lệnh cấm.



Số hiệu biển báo: 136

Tên biển báo: **Cấm đi thẳng**

Chi tiết: Biểu thị ở phía trước cấm tất cả các loại xe đi thẳng.



Số hiệu biển báo: 137

Tên biển báo: **Cấm rẽ trái và rẽ phải**

Chi tiết: Biểu thị ở ngã đường phía trước cấm tất cả các loại xe cộ rẽ trái và rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 138

Tên biển báo: **Cấm đi thẳng và rẽ trái**

Chi tiết: Biểu thị ở ngã tư, ngã năm đường phía trước cấm tất cả các loại xe đi thẳng và rẽ trái.



Số hiệu biển báo: 139

Tên biển báo: **Cấm đi thẳng và rẽ phải**

Chi tiết: Biểu thị ở ngã tư, ngã năm đường phía trước cấm tất cả các loại xe đi thẳng và rẽ phải.

2. Các biển báo nguy hiểm trên hệ thống đường bộ Việt Nam

Biển báo nguy hiểm gồm 46 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 201 đến biển số 246 thường có dạng hình tam giác đều, viền đỏ, nền vàng, trên có hình vẽ màu đen nhằm báo cho người sử dụng đường bộ biết trước tính chất của sự nguy hiểm trên đường để có biện pháp phòng ngừa, xử trí.



Số hiệu biển báo: 201a

Tên biển báo: **Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái.



Số hiệu biển báo: 201b

Tên biển báo: **Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến một chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải.



Số hiệu biển báo: 202

Tên biển báo: **Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tục**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để báo nguy hiểm cho người lái xe giảm tốc độ, biển được đặt ở ngoài vị trí tiếp đầu (hay tiếp cuối) của đường ngoặt liên tục có tốc độ xe chạy cho phép (thiết kế) nhỏ hơn 60km/h, đoạn có ba hoặc trên ba đoạn cong ngược chiều nhau có bán kính đường cong nằm nhỏ hơn giá trị tối thiểu quy định của cấp đường, còn đoạn thẳng chêm giữa các đoạn cong thì bằng hoặc nhỏ hơn chiều dài có giá trị bé nhất của đường

cong chuyển tiếp hay đoạn vượt nổi siêu cao.



Số hiệu biển báo: 203a

Tên biển báo: **Đường bị hẹp cả hai bên**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến một đoạn đường bị hẹp đột ngột cả hai bên.



Số hiệu biển báo: 203b

Tên biển báo: **Đường bị hẹp về phía bên trái**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến một đoạn đường bị hẹp đột ngột về phía bên trái.



Số hiệu biển báo: 203c

Tên biển báo: **Đường bị hẹp về phía bên phải**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến một đoạn đường bị hẹp đột ngột về phía bên phải.



Số hiệu biển báo: 204

Tên biển báo: **Đường hai chiều**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến đoạn đường vì lý do sửa chữa

hoặc có trở ngại ở một phía đường mà phải giải quyết đi lại của phương tiện phía đường còn lại hoặc để báo trước đoạn đường đôi tạm thời hay thường xuyên các chiều xe đi và về phải đi chung.



Số hiệu biển báo: 205a

Tên biển báo: **Đường giao nhau**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên).



Số hiệu biển báo: 205b

Tên biển báo: **Đường giao nhau**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên).



Số hiệu biển báo: 205c

Tên biển báo: **Đường giao nhau**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên).



Số hiệu biển báo: 205d

Tên biển báo: **Đường giao nhau**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến

nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên).



Số hiệu biển báo: 205e

Tên biển báo: **Đường giao nhau**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên).



Số hiệu biển báo: 206

Tên biển báo: **Giao nhau chạy theo vòng xuyên**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước nơi giao nhau có bố trí đảo an toàn ở giữa điểm giao, các loại xe qua điểm giao vòng trái, phải đi vòng xuyên qua đảo an toàn.



Số hiệu biển báo: 207a

Tên biển báo: **Giao nhau với đường không ưu tiên**

Chi tiết báo hiệu: Đặt trên đường ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường không ưu tiên.



Số hiệu biển báo: 207b

Tên biển báo: **Giao nhau với đường không ưu tiên**

Chi tiết báo hiệu: Đặt trên đường ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường không ưu tiên.



Số hiệu biển báo: 207c

Tên biển báo: **Giao nhau với đường không ưu tiên**

Chi tiết báo hiệu: Đặt trên đường ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường không ưu tiên.



Số hiệu biển báo: 208

Tên biển báo: **Giao nhau với đường ưu tiên**

Chi tiết báo hiệu: Đặt trên đường không ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường ưu tiên.



Số hiệu biển báo: 209

Tên biển báo: **Giao nhau có tín hiệu đèn**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước nơi giao nhau có sự điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn (hệ thống 3 đèn bật theo chiều đứng) và trong trường hợp thiết bị tín hiệu đèn không được nhìn thấy rõ ràng và kịp thời.



Số hiệu biển báo: 210

Tên biển báo: **Giao nhau với đường sắt có rào chắn**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt có rào chắn kín hay chắn nửa kín bố trí theo trật tự xen kẽ ở mỗi bên đường sắt và có nhân viên ngành đường sắt điều khiển giao thông.



Số hiệu biển báo: 211

Tên biển báo: **Giao nhau với đường sắt không có rào chắn**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt không có rào chắn, không có người điều khiển giao thông.



Số hiệu biển báo: 212

Tên biển báo: **Cầu hẹp**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến cầu hẹp là loại cầu có chiều rộng lòng cầu (phần xe chạy) nhỏ hơn hoặc bằng 4,5 m (1 làn đường). Khi qua các cầu này các xe phải nhường nhau và chờ ở hai đầu cầu.



Số hiệu biển báo: 213

Tên biển báo: **Cầu tạm**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến cầu tạm là loại cầu được làm để sử dụng tạm thời cho xe cộ qua lại.



Số hiệu biển báo: 214

Tên biển báo: **Cầu xoay - cầu cất**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến cầu xoay, cầu cất là những loại cầu trong từng thời gian có cất giao thông đường bộ để cho tàu thuyền qua lại. Các phương tiện đi trên đường bộ phải chờ đợi.



Số hiệu biển báo: 215a

Tên biển báo: **Kè, vực sâu phía trước**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp tới những chỗ có kè, vực sâu, hoặc bờ sông áp sát đường ở phía trước, cần đề phòng tình huống nguy hiểm vượt kè, tụt xuống vực sâu (thường có ở những chỗ ngoặt nguy hiểm).



Số hiệu biển báo: 215b

Tên biển báo: **Kè, vực sâu phía trước**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp tới những chỗ có kè, vực sâu, hoặc bờ

sông áp sát đường ở phía trước, cần đề phòng tình huống nguy hiểm vượt kè, tụt xuống vực sâu (thường có ở những chỗ ngoặt nguy hiểm).



Số hiệu biển báo: 216

Tên biển báo: **Đường ngầm**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước những chỗ có đường ngầm (đường tràn). Đường ngầm là những đoạn đường vượt qua sông, suối, khe cạn mà nước có thể chảy tràn qua thường xuyên hoặc khi có lũ.



Số hiệu biển báo: 217

Tên biển báo: **Bến phà**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến bến phà. Người sử dụng đường phải tuân theo nội quy bến phà.



Số hiệu biển báo: 218

Tên biển báo: **Cửa chui**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến những đường có cổng, kiểu cổng tò vò chắn ngang như cổng đường hầm, cổng thành, cầu vượt đường bộ dạng cầu vòm...



Số hiệu biển báo: 219

Tên biển báo: **Đốc xuống nguy hiểm**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp tới chỗ dốc nguy hiểm. Người điều khiển các phương tiện phải chọn phương thức chạy xe cho phù hợp để xe xuống dốc một cách thuận lợi, an toàn.



Số hiệu biển báo: 220

Tên biển báo: **Đốc lên nguy hiểm**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp tới chỗ dốc nguy hiểm. Người điều khiển các phương tiện phải chọn phương thức chạy xe cho phù hợp để xe lên dốc một cách thuận lợi, an toàn.



Số hiệu biển báo: 221a

Tên biển báo: **Đường không bằng phẳng**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp tới đoạn đường có mặt đường không bằng phẳng, lồi lõm, sóng trâu... người điều khiển phương tiện giao thông phải giảm tốc độ.



Số hiệu biển báo: 221b

Tên biển báo: **Đường không bằng phẳng**

Chi tiết báo hiệu: Báo hiệu đoạn “đường có sóng mấp mô nhân tạo” để hạn chế tốc độ xe chạy (biển được cấm kèm theo biển số 127 “Hạn chế tốc độ tối đa”), bắt buộc người điều khiển phương tiện giao thông phải chạy với tốc độ chậm trước khi qua những điểm cần kiểm soát, kiểm tra...

Số hiệu biển báo: 222



Tên biển báo: **Đường trơn**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp tới đoạn đường có thể xảy ra trơn trượt đặc biệt là khi thời tiết xấu, mưa phùn cần tránh hãm phanh, tăng ga, sang số đột ngột hoặc xe chạy với tốc độ cao sẽ bị nguy hiểm. Khi gặp biển này người điều khiển giao thông phải giảm tốc độ kịp thời và thận trọng.

Số hiệu biển báo: 223a



Tên biển báo: **Vách núi nguy hiểm**

Chi tiết báo hiệu: Biển báo nguy hiểm đường đi sát vách núi. Dùng để báo nguy hiểm cho người điều khiển giao thông phải cẩn thận.



Số hiệu biển báo: 223b

Tên biển báo: **Vách núi nguy hiểm**

Chi tiết báo hiệu: Biển báo nguy hiểm đường đi sát vách núi. Dùng để báo nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện giao thông phải cẩn thận.



Số hiệu biển báo: 224

Tên biển báo: **Đường người đi bộ cắt ngang**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước sắp đến phần đường ngang dành cho người đi bộ qua đường. Gặp biển này các loại xe cộ phải nhường ưu tiên cho người đi bộ và chỉ được chạy xe nếu như không gây nguy hiểm cho người đi bộ.



Số hiệu biển báo: 225

Tên biển báo: **Trẻ em**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước là gần đến đoạn đường thường có trẻ em đi ngang qua hoặc tụ tập trên đường như gần vườn trẻ, trường học, câu lạc bộ.



Số hiệu biển báo: 226

Tên biển báo: **Đường người đi xe đạp cắt ngang**

Chi tiết báo hiệu: Báo trước là gần đến chỗ thường có người đi xe đạp từ những đường nhỏ cắt ngang qua hoặc từ đường dành cho xe đạp đi nhập vào đường ô tô.



Số hiệu biển báo: 227

Tên biển báo: **Công trường**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới đoạn đường đang tiến hành sửa chữa có người và máy móc đang làm việc trên mặt đường. Khi gặp biển báo này tốc độ xe chạy phải giảm cho thích hợp, không gây nguy hiểm cho người và máy móc trên đoạn đường đó.



Số hiệu biển báo: 228a

Tên biển báo: **Đá lở**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới một đoạn đường có hiện tượng đất đá từ trên ta luy sụt lở bất ngờ gây nguy hiểm cho phương tiện giao thông và người đi đường, đặc biệt là ở những đoạn đường miền núi. Gặp

biển này, người điều khiển phương tiện giao thông phải chú ý, đặc biệt khi thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn và khi dừng hay đỗ xe sau những trận mưa lớn.



Số hiệu biển báo: 228b

Tên biển báo: **Đá lở**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới một đoạn đường có hiện tượng đất đá từ trên ta luy sụt lở bất ngờ gây nguy hiểm cho phương tiện giao thông và người đi đường, đặc biệt là ở những đoạn đường miền núi. Gặp biển này, người điều khiển phương tiện giao thông phải chú ý, đặc biệt khi thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn và khi dừng hay đỗ xe.



Số hiệu biển báo: 229

Tên biển báo: **Giả máy bay lên xuống**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới đoạn đường ở vùng sát đường băng sân bay và cắt ngang qua hướng máy bay lên xuống ở độ cao không lớn.



Số hiệu biển báo: 230

Tên biển báo: **Gia súc**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới đoạn đường thường có gia súc thả rông hoặc lừa qua ngang đường nguy hiểm, đường ở vùng đồng cỏ của nông trường chăn nuôi, vùng thảo nguyên. Người điều khiển phương tiện giao thông có trách nhiệm dừng lại bảo đảm cho gia súc có thể qua đường không bị nguy hiểm.



Số hiệu biển báo: 231

Tên biển báo: **Thú rừng vượt qua đường**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới đoạn đường thường có thú rừng qua đường như đường đi qua khu vực rừng cây hay khu cấm săn bắn.



Số hiệu biển báo: 232

Tên biển báo: **Gió ngang**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước gần tới đoạn đường thường có gió ngang thổi mạnh nguy hiểm. Người điều khiển phương tiện giao thông cần phải điều chỉnh tốc độ xe chạy cho thích hợp, đề phòng tình huống gió thổi lật xe.



Số hiệu biển báo: 233

Tên biển báo: **Nguy hiểm khác**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trên đường có những nguy hiểm khác. Người điều khiển phương tiện giao thông phải chú ý tập trung quan sát.



Số hiệu biển báo: 234

Tên biển báo: **Giao nhau với đường hai chiều**

Chi tiết báo hiệu: Trên đường một chiều, biển này để báo trước sắp đến chỗ giao nhau với đường hai chiều



Số hiệu biển báo: 235

Tên biển báo: **Đường đôi**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp đến đoạn đường đôi (chiều đi và chiều về phân biệt rõ ràng bằng giải phân cách cứng)



Số hiệu biển báo: 236

Tên biển báo: **Hết đường đôi**

Chi tiết báo hiệu: Để báo trước sắp kết thúc đoạn đường đôi (đoạn đường hết giải phân cách). Đường đôi chỉ được chia bằng vạch sơn không phải đặt biển này.



Số hiệu biển báo: 237

Tên biển báo: **Cầu vồng**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để nhắc nhở người điều khiển phương tiện giao thông phải cẩn thận. Biển đặt ở nơi thích hợp trên đoạn đường sắp đến chiếc cầu có độ vồng rất lớn ảnh hưởng tới tầm nhìn.



Số hiệu biển báo: 238

Tên biển báo: **Đường cao tốc phía trước**

Chi tiết báo hiệu: Biển này nhằm để báo cho các phương tiện đi trên đường biết có “đường cao tốc phía trước”.



Số hiệu biển báo: 239

Tên biển báo: **Đường cáp điện ở phía trên**

Chi tiết báo hiệu: Biển này để cảnh báo nơi có đường dây điện cắt ngang phía trên tuyến đường, thường kèm theo biển phụ 509 “Chiều cao an toàn” ở phía dưới.



Số hiệu biển báo: 240

Tên biển báo: **Đường hầm**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để cảnh báo

người điều khiển phương tiện giao thông chú ý đi chậm lại, biển đặt ở nơi thích hợp mà sắp đi vào đường hầm chạy hai chiều, mà chiếu sáng lại không tốt.



Số hiệu biển báo: 241

Tên biển báo: **Thôn bản**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để cảnh báo người điều khiển phương tiện giao thông phải cẩn thận. Biển được đặt ở nơi sắp đi qua khu dân cư, thị tứ mà Người điều khiển phương tiện giao thông lại không có đủ tầm nhìn, hoặc bị hạn chế tầm nhìn.



Số hiệu biển báo: 242a

Tên biển báo: **Chỗ đường sắt cắt đường bộ**

Chi tiết báo hiệu: Tại chỗ giao nhau đường sắt chỉ có một đường cắt ngang đường bộ.



Số hiệu biển báo: 242b

Tên biển báo: **Chỗ đường sắt cắt đường bộ**

Chi tiết báo hiệu: Tại chỗ giao nhau đường sắt có từ hai đường cắt ngang đường bộ.



Loại 1



Loại 2



Loại 3

Số hiệu biển báo: 243

Tên biển báo: **Đường sắt giao cắt với đường bộ không vuông góc**

Chi tiết báo hiệu: Biểu thị sắp đi qua đoạn đường có đường sắt cắt qua, nếu ở nơi giao cắt với đường bộ không có người gác mà trên mặt đường có biển báo “gần vạch tín hiệu của đường sắt giao nhau cùng mức” thì phải đặt thêm ký hiệu đường sắt giao cắt với đường bộ không vuông góc ở phía dưới biển báo “giao cắt với đường bộ của đường sắt không có người gác”. Ký hiệu đường sắt giao cắt với đường bộ không vuông góc có ba loại. Loại thứ nhất đặt ở nơi cách nơi giao nhau với đường sắt 50 mét. Loại thứ hai và ba đặt cách nơi giao cắt đường sắt 100 mét và 150 mét.



Số hiệu biển báo: 244

Tên biển báo: **Đoạn đường hay xảy ra tai nạn**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để báo nguy hiểm yêu cầu người điều khiển phương tiện giao thông đặc biệt chú ý đoạn đường phía trước thường xảy ra tai nạn. Biển được đặt ở vị trí

thích hợp nơi sắp vào đoạn đường thường xảy ra tai nạn.



Số hiệu biển báo: 245

Tên biển báo: **Đi chậm**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để nhắc người điều khiển phương tiện giao thông giảm tốc độ đi chậm. Biển đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường yêu cầu đi chậm.



Số hiệu biển báo: 246a

Tên biển báo: **Chú ý chướng ngại vật (vòng tránh ra hai bên)**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để báo trước cho người điều khiển phương tiện giao thông biết phía trước có chướng ngại vật, cần giảm tốc độ theo chỉ dẫn trên biển báo. Biển này đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường có chướng ngại vật.



Số hiệu biển báo: 246b

Tên biển báo: **Chú ý chướng ngại vật (vòng tránh sang bên trái)**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để báo trước cho người điều khiển phương tiện giao thông biết phía trước có chướng

ngại vật, cần giảm tốc độ theo chỉ dẫn trên biển báo. Biển này đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường có chướng ngại vật.



Số hiệu biển báo: 246c

Tên biển báo: **Chú ý chướng ngại vật (vòng tránh sang bên phải)**

Chi tiết báo hiệu: Dùng để báo trước cho người điều khiển phương tiện giao thông biết phía trước có chướng ngại vật, cần giảm tốc độ theo chỉ dẫn trên biển báo. Biển này đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường có chướng ngại vật.

3. Các biển hiệu lệnh trên hệ thống đường bộ Việt Nam

Nhóm biển hiệu lệnh gồm có 9 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 301 đến biển số 309 nhằm báo cho người tham gia giao thông biết hiệu lệnh phải thi hành. Nhóm biển hiệu lệnh có dạng hình tròn, nền màu xanh lam, trên nền có hình vẽ màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh nhằm báo cho người tham gia giao thông biết điều lệnh phải thi hành.



Số hiệu biển báo: 301a

Tên biển báo: **Các xe chỉ được đi thẳng**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được đi thẳng.



Số hiệu biển báo: 301b

Tên biển báo: **Các xe chỉ được rẽ phải**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được đi về hướng phải.



Số hiệu biển báo: 301c

Tên biển báo: **Các xe chỉ được rẽ trái**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được đi về hướng trái.



Số hiệu biển báo: 301d

Tên biển báo: **Các xe chỉ được rẽ phải**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 301e

Tên biển báo: **Các xe chỉ được rẽ trái**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được rẽ trái.



Số hiệu biển báo: 301f

Tên biển báo: **Các xe chỉ được đi thẳng và rẽ phải**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được đi thẳng và rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 301h

Tên biển báo: **Các xe chỉ được đi thẳng và rẽ trái**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được đi thẳng và rẽ trái.



Số hiệu biển báo: 301i

Tên biển báo: **Các xe chỉ được rẽ trái và rẽ phải**

Chi tiết báo hiệu: Để báo cho các loại xe (thô sơ và cơ giới) chỉ được rẽ trái và rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 302a

Tên biển báo: **Hướng phải đi vòng chướng ngại vật**

Chi tiết báo hiệu: Báo các loại xe (cơ giới và thô sơ) hướng đi để qua một chướng ngại vật. Biển được đặt trước chướng ngại vật và tùy theo hướng

đi vòng sang phải hay sang trái mà lựa chọn theo kiểu biển cho phù hợp. Biển có hiệu lực bắt buộc các loại xe phải đi vòng chướng ngại vật theo hướng mũi tên chỉ.



Số hiệu biển báo: 302b

Tên biển báo: **Hướng phải đi vòng chướng ngại vật**

Chi tiết báo hiệu: Báo các loại xe (cơ giới và thô sơ) hướng đi để qua một chướng ngại vật. Biển được đặt trước chướng ngại vật và tùy theo hướng đi vòng sang phải hay sang trái mà lựa chọn theo kiểu biển cho phù hợp. Biển có hiệu lực bắt buộc các loại xe phải đi vòng chướng ngại vật theo hướng mũi tên chỉ.



Số hiệu biển báo: 303

Tên biển báo: **Nơi giao nhau chạy theo vòng xuyên**

Chi tiết báo hiệu: Báo cho các loại xe (cơ giới và thô sơ) phải chạy vòng theo đảo an toàn ở các ngã ba, ngã tư. Biển có hiệu lực bắt buộc các loại xe muốn chuyển hướng phải chạy vòng theo đảo an toàn theo hướng mũi tên chỉ.



Số hiệu biển báo: 304

Tên biển báo: **Đường dành cho xe thô sơ**

Chi tiết báo hiệu: Báo đường dành cho xe thô sơ (kể cả xe của người tàn tật) và người đi bộ. Biển có hiệu lực bắt buộc các loại xe thô sơ (kể cả xe của người tàn tật) và người đi bộ phải dùng đường dành riêng này để đi. Cấm các xe cơ giới kể cả xe gắn máy, các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật vào đường đã đặt biển này, trừ trường hợp đi cắt ngang qua nhưng phải bảo đảm tuyệt đối an toàn cho xe thô sơ và người đi bộ.



Số hiệu biển báo: 305

Tên biển báo: **Đường dành cho người đi bộ**

Chi tiết báo hiệu: Báo đường dành cho người đi bộ. Các loại xe cơ giới và thô sơ kể cả các xe được ưu tiên theo quy định pháp luật không được phép đi vào đường đã đặt biển này, trừ trường hợp đi cắt ngang qua nhưng phải bảo đảm tuyệt đối an toàn cho người đi bộ.



Số hiệu biển báo: 306

Tên biển báo: **Tốc độ tối thiểu cho phép**

Chi tiết báo hiệu: Báo tốc độ tối thiểu cho phép các xe cơ giới chạy. Biển có hiệu lực cấm các loại xe cơ giới chạy với tốc độ nhỏ hơn trị số ghi trên biển. Các loại xe do sự chế tạo có tốc độ tối đa không đạt tốc độ tối thiểu đã ghi không được phép đi vào đường này. Trị số ghi trên biển chỉ tốc độ tối thiểu cho phép tính bằng km/h.



Số hiệu biển báo: 307

Tên biển báo: **Hết hạn chế tốc độ tối thiểu**

Chi tiết báo hiệu: Báo hết đoạn đường hạn chế tốc độ tối thiểu. Biển có giá trị báo cho người điều khiển phương tiện giao thông biết hiệu lực của biển số 306 hết tác dụng, kể từ biển này các loại xe được phép chạy chậm hơn trị số ghi trên biển nhưng không được gây cản trở các xe khác.



Số hiệu biển báo: 308a

Tên biển báo: **Tuyến đường cầu vượt cắt qua**

Chi tiết báo hiệu: Biểu thị tại cầu vượt, xe có thể đi thẳng hoặc theo chỉ dẫn trên hình vẽ để rẽ trái. Biển đặt tại vị trí thích hợp ngay trước khi vào đường rẽ trái hoặc qua cầu vượt.



Số hiệu biển báo: 308b

Tên biển báo: **Tuyến đường cầu vượt cắt qua**

Chi tiết báo hiệu: Biểu thị tại cầu vượt, xe có thể đi thẳng hoặc theo chỉ dẫn trên hình vẽ để rẽ phải. Biển đặt tại vị trí thích hợp ngay trước khi vào đường rẽ phải hoặc qua cầu vượt.



Số hiệu biển báo: 309

Tên biển báo: **Ấn còi**

Chi tiết báo hiệu: Biểu thị xe cơ giới đi đến chỗ cấm biển đó thì phải ấn còi.

4. Các biển chỉ dẫn giao thông trên hệ thống đường bộ Việt Nam:

Nhóm biển chỉ dẫn gồm có 48 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 401 đến 448 nhằm thông báo cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ biết những định hướng cần thiết hoặc những điều có ích khác.

Biển chỉ dẫn có dạng hình vuông, hình chữ nhật hoặc hình chữ nhật vát nhọn một đầu. Nền biển màu xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng. Nếu nền biển màu trắng thì hình vẽ và chữ viết màu đen.



Số hiệu biển báo: 401

Tên biển báo: **Các xe trên trục đường chính được ưu tiên đi trước**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn các xe trên trục đường chính được ưu tiên đi trước



Số hiệu biển báo: 402

Tên biển báo: **Hết đoạn đường ưu tiên**

Chi tiết: Biển này báo hiệu hết đoạn đường quy định là ưu tiên. Trên đoạn đường tiếp theo, các phương tiện giao thông đi đúng với tốc độ quy định trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008, qua nơi giao nhau ưu tiên bên phải.



Số hiệu biển báo: 403a

Tên biển báo: **Đường dành cho ô tô**

Chi tiết: Để chỉ dẫn bắt đầu đường dành cho các loại ô tô đi lại, các loại

phương tiện giao thông khác không được phép đi vào đoạn đường có đặt biển này.



Số hiệu biển báo: 403b

Tên biển báo: **Đường dành cho ô tô, xe máy**

Chi tiết: Để chỉ dẫn bắt đầu đường dành cho các loại ô tô, xe máy (kể cả xe gắn máy) đi lại, các loại phương tiện giao thông khác không được phép đi vào đoạn đường có đặt biển này.



Số hiệu biển báo: 404a

Tên biển báo: **Hết đường dành cho ô tô**

Chi tiết: Đến hết đoạn đường dành cho ô tô đi lại phải đặt biển số 404a “Hết đường dành cho ô tô”.



Số hiệu biển báo: 404b

Tên biển báo: **Hết đường dành cho ô tô, xe máy**

Chi tiết: Đến hết đoạn đường dành cho ô tô, xe máy đi lại phải đặt biển số 404b “Hết đường dành cho ô tô, xe máy”.



Số hiệu biển báo: 405a

Tên biển báo: **Đường hẹp**

Chi tiết: Để chỉ lối rẽ vào đường hẹp.



Số hiệu biển báo: 405b

Tên biển báo: **Đường hẹp**

Chi tiết: Để chỉ lối rẽ vào đường hẹp.



Số hiệu biển báo: 405c

Tên biển báo: **Đường cụt**

Chi tiết: Để chỉ dẫn đường phía trước là đường cụt



Số hiệu biển báo: 406

Tên biển báo: **Được ưu tiên qua đường hẹp**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người lái xe cơ giới biết mình có quyền được ưu tiên đi trước trên đoạn đường hẹp khi gặp xe đi ngược chiều. Nếu trên hướng đi ngược chiều có xe (cơ giới hoặc thô sơ) đã đi vào phạm vi đường hẹp thì xe đi theo chiều ưu tiên cũng phải nhường đường.



Số hiệu biển báo: 407a

Tên biển báo: **Đường một chiều**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những đoạn

đường chạy một chiều đặt sau ngã ba, ngã tư.



Số hiệu biển báo: 407b

Tên biển báo: **Đường một chiều**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những đoạn đường chạy một chiều đặt trước ngã ba, ngã tư, chỉ cho phép các loại phương tiện giao thông đi vào theo chiều mũi tên.



Số hiệu biển báo: 407c

Tên biển báo: **Đường một chiều**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những đoạn đường chạy một chiều đặt trước ngã ba, ngã tư, chỉ cho phép các loại phương tiện giao thông đi vào theo chiều mũi tên.



Số hiệu biển báo: 408a

Tên biển báo: **Nơi đỗ xe**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi được phép đỗ xe, những bãi đỗ xe, bến xe... Chiều dài nơi đỗ xe có thể được xác định giới hạn bằng vạch kẻ trên mặt đường hoặc bãi đỗ có hình dáng rõ ràng. Phạm vi quy định đỗ xe sẽ hết hiệu lực 10m trước khi đến ngã ba, ngã tư tiếp theo.



Số hiệu biển báo: 408b

Tên biển báo: **Khu vực đậu xe**

Chi tiết: Để chỉ dẫn nơi được phép đỗ xe, khu vực cụ thể được cấp phép cho đỗ xe.



Số hiệu biển báo: 409

Tên biển báo: **Chỗ quay xe**

Chi tiết: Để chỉ dẫn vị trí được phép quay đầu xe kiểu chữ U. Biển không cho phép rẽ trái trừ các xe được quyền ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 410

Tên biển báo: **Khu vực quay xe**

Chi tiết: Để chỉ dẫn khu vực được phép quay đầu xe kiểu chữ U. Trên biển mô tả cách thức tiến hành quay đầu xe. Biển không cho phép rẽ trái trừ các xe được quyền ưu tiên theo quy định pháp luật.



Số hiệu biển báo: 411

Tên biển báo: **Hướng đi trên mỗi làn đường theo vạch kẻ đường**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông biết số lượng làn đường trên mặt đường

và hướng đi trên mỗi làn đường theo vạch kẻ đường. Biển có tác dụng bắt buộc người điều khiển phương tiện giao thông phải giữ đúng hướng đã được chỉ dẫn trên mỗi làn.



Số hiệu biển báo: 412

Tên biển báo: **Làn đường dành cho ô tô khách**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông biết có làn đường dành riêng cho ô tô khách (kể cả ô tô buýt, tắc xi). Biển được đặt ở đầu đường theo hướng đi của ô tô khách. Các loại xe khác không được đi vào làn đường có đặt biển này (trừ các xe có quyền ưu tiên theo quy định pháp luật).



Số hiệu biển báo: 413a

Tên biển báo: **Đường có làn đường dành cho ô tô khách**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông biết đường có làn đường dành riêng cho ô tô khách theo chiều ngược lại. Biển được đặt ở ngã ba, ngã tư đầu đường một chiều mà hướng ngược chiều có ô tô khách được phép chạy.



Số hiệu biển báo: 413b

Tên biển báo: **Rẽ ra đường có làn đường dành cho ô tô khách**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông biết ở ngã ba, ngã tư rẽ phải là rẽ ra đường có làn đường dành cho ô tô khách.



Số hiệu biển báo: 413c

Tên biển báo: **Rẽ ra đường có làn đường dành cho ô tô khách**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông biết ở ngã ba, ngã tư rẽ trái là rẽ ra đường có làn đường dành cho ô tô khách.



Số hiệu biển báo: 414a

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường**

Chi tiết: Đặt ở tất cả các ngã ba, ngã tư đường giao nhau để chỉ dẫn có một khu đông dân cư trên hướng đường đến.



Số hiệu biển báo: 414b

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường**

Chi tiết: Đặt ở tất cả các ngã ba, ngã tư đường giao nhau để chỉ dẫn có một khu đông dân cư trên hướng đường đến.



Số hiệu biển báo: 414c

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường**

Chi tiết: Đặt ở tất cả các ngã ba, ngã tư đường giao nhau để chỉ dẫn có một khu đông dân cư trên hướng đường đến.



Số hiệu biển báo: 414d

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường**

Chi tiết: Đặt ở tất cả các ngã ba, ngã tư đường giao nhau để chỉ dẫn có một khu đông dân cư trên hướng đường đến.



Số hiệu biển báo: 415

Tên biển báo: **Mũi tên chỉ hướng đi**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn hướng đi đến một miền lân cận tiếp theo và khoảng cách (km) đến nơi đó.

Biển đặt tại các ngã ba, ngã tư đường giao nhau trong khu đông dân cư. Nếu đặt biển này trên đường cao tốc thì phía bên trái biển có thêm hình vẽ đường cao tốc.



Số hiệu biển báo: 416

Tên biển báo: **Lối đi đường vòng tránh**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn lối đi đường vòng tránh, trong trường hợp đường chính bị tắc, hoặc đường chính cấm một số loại xe đi qua. Biển đặt tại ngã ba, ngã tư, đường giao nhau.

Hình biển cấm vẽ trên biển này (trong vòng tròn đỏ) được sử dụng các loại biển từ số 101 đến số 120 tùy theo trường hợp cần thiết yêu cầu.



Số hiệu biển báo: 417a

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe**

Chi tiết: Ở các đường giao nhau trong trường hợp cấm hoặc hạn chế một số loại xe, phải có biển để chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe. Các xe ghi trên biển phải rẽ phải.



Số hiệu biển báo: 417b

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe**

Chi tiết: Ở các đường giao nhau trong trường hợp cấm hoặc hạn chế một số loại xe, phải có biển để chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe. Các xe ghi trên biển phải đi thẳng.



Số hiệu biển báo: 417c

Tên biển báo: **Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe**

Chi tiết: Ở các đường giao nhau trong trường hợp cấm hoặc hạn chế một số loại xe, phải có biển để chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe. Các xe ghi trên biển phải rẽ trái.



Số hiệu biển báo: 418

Tên biển báo: **Lối đi ở những chỗ cấm rẽ**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn lối đi ở các ngã ba, ngã tư cấm rẽ (trái hoặc phải).



Số hiệu biển báo: 419

Tên biển báo: **Chỉ dẫn địa giới**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn địa giới của thành phố, tỉnh, huyện. Biển được đặt ở ranh giới hành chính của hai địa phương gần sát nhau.

Tùy theo địa hình, biển “Chỉ dẫn địa giới” có thể đặt ở phía tay trái hay phải theo hướng đi của người điều khiển phương tiện giao thông.



Số hiệu biển báo: 420

Tên biển báo: **Bắt đầu khu đông dân cư**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn bắt đầu vào phạm vi khu đông dân cư. Người tham gia giao thông đường bộ phải tuân theo những quy định pháp luật áp dụng ở khu đông dân cư.



Số hiệu biển báo: 421

Tên biển báo: **Hết khu đông dân cư**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn hết phạm vi khu đông dân cư.



Số hiệu biển báo: 422

Tên biển báo: **Di tích lịch sử**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn những nơi có di tích lịch sử hoặc những nơi có cảnh đẹp, những nơi có thể tham quan...



423a, 423b

Số hiệu biển báo: 423a, 423b

Tên biển báo: **Đường người đi bộ sang ngang**

Chi tiết: Để chỉ dẫn cho người đi bộ và người điều khiển phương tiện giao thông biết nơi dành cho người đi bộ sang ngang. Gặp biển này người điều khiển phương tiện giao thông phải ưu tiên cho người đi bộ sang ngang.



424a, 424b

Số hiệu biển báo: 424a, 424b

Tên biển báo: **Cầu vượt qua đường cho người đi bộ**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn cho người đi bộ sử dụng công trình cầu vượt qua đường để tiếp tục hành trình của mình.

Tùy hướng thực tế của người đi bộ qua đường mà sử dụng biển báo số 424a hoặc 424b cho phù hợp.



Số hiệu biển báo: 425

Tên biển báo: **Bệnh viện**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những chỗ có cơ sở điều trị bệnh ở gần đường như bệnh viện, bệnh xá, trạm xá,... Gặp biển này người điều khiển phương tiện giao thông phải thận trọng và tránh làm ồn.



Số hiệu biển báo: 426

Tên biển báo: **Trạm cấp cứu**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những chỗ có trạm cấp cứu y tế ở gần đường.



Số hiệu biển báo: 427

Tên biển báo: **Trạm sửa chữa**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có đặt xưởng chuyên phục vụ sửa chữa ô tô, mô tô hỏng trên đường.



Số hiệu biển báo: 428

Tên biển báo: **Trạm cung cấp xăng, dầu**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có đặt trạm kinh doanh xăng, dầu phục vụ cho các phương tiện giao thông đi trên đường.



Số hiệu biển báo: 429

Tên biển báo: **Nơi rửa xe**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có bố trí chỗ rửa xe.



Số hiệu biển báo: 430

Tên biển báo: **Điện thoại**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có đặt trạm điện thoại công cộng chuyên phục vụ khách đi đường.



Số hiệu biển báo: 431

Tên biển báo: **Cửa hàng ăn uống**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có cửa hàng ăn uống phục vụ khách đi đường.



Số hiệu biển báo: 432

Tên biển báo: **Khách sạn**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có khách sạn phục vụ khách đi đường.



Số hiệu biển báo: 433

Tên biển báo: **Nơi nghỉ mát**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi nghỉ mát.



Số hiệu biển báo: 434

Tên biển báo: **Bến xe buýt**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những chỗ xe buýt dừng cho hành khách lên xuống.



Số hiệu biển báo: 435

Tên biển báo: **Bến xe điện**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những chỗ xe điện dừng cho hành khách lên xuống.



Số hiệu biển báo: 436

Tên biển báo: **Trạm cảnh sát giao thông**

Chi tiết: Để chỉ dẫn những nơi có đặt trạm cảnh sát giao thông. Những người tham gia giao thông phải tuân theo những quy định pháp luật khi đi qua nơi này.



Số hiệu biển báo: 437

Tên biển báo: **Đường cao tốc**

Chi tiết: Để chỉ dẫn bắt đầu đường cao tốc. Quy chế sử dụng đường cao tốc phải được thực hiện nghiêm ngặt.



Số hiệu biển báo: 438

Tên biển báo: **Hết đường cao tốc**

Chi tiết: Để chỉ dẫn hết đường cao tốc.



Số hiệu biển báo: 439

Tên biển báo: **Tốc độ cho phép chạy trên đường cao tốc**

Chi tiết: Để nhắc nhở người điều khiển phương tiện giao thông chạy trên đường cao tốc phải tuân theo tốc độ quy định. Trong biển lồng gồm có biển:

- Tốc độ tối thiểu (bắt buộc người điều khiển phương tiện giao thông phải thực hiện).
- Tốc độ tối đa cho phép.
- Tốc độ cho phép khi chạy trời mưa, trơn ướt.



Số hiệu biển báo: 440

Tên biển báo: **Chỉ dẫn tên cầu**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn các thông tin về một chiếc cầu ở phía trước.



Số hiệu biển báo: 441

Tên biển báo: **Đoạn đường thi công**

Chi tiết: Báo hiệu phía trước có đoạn đường đang thi công, sửa chữa hoặc nâng cấp, cải tạo.



442a, 442b, 442c

Số hiệu biển báo: 442a, 442b, 442c

Tên biển báo: **Báo hiệu phía trước có công trường thi công**

Chi tiết: Báo hiệu phía trước có đoạn đường đang thi công, sửa chữa hoặc nâng cấp, cải tạo.



Số hiệu biển báo: 443

Tên biển báo: **Chợ**

Chi tiết: Để báo sắp đến khu vực có hợp chợ, các phương tiện giao thông qua khu vực này phải chú ý làm chủ tốc độ.



Số hiệu biển báo: 444

Tên biển báo: **Xe kéo moóc**

Chi tiết: Để báo hiệu xe có kéo moóc.

Số hiệu biển báo: 445

Tên biển báo: **Biển báo phân biệt địa điểm**

Chi tiết: Biển chỉ dẫn cho người đi đường biết hướng và nơi có những địa điểm quan trọng, các loại biển báo phân biệt địa điểm chủ yếu bao gồm:



- *Biển số 445a*: Ga xe lửa - Biển được đặt ở cửa đường vào ga xe lửa.



- *Biển số 445b*: Biển báo sân bay -
Biển được đặt ở cửa đường vào sân bay.



- *Biển số 445c*: Biển báo bãi đậu xe
- Biển được đặt ở cửa đường vào bãi đậu xe.



- *Biển số 445d*: Biển báo bến xe khách đường dài - Biển được đặt tại cửa đường vào bến xe khách đường dài.



- *Biển số 445e*: Biển chỉ dẫn trạm cấp cứu - Biển được đặt trước cửa đường vào bệnh viện và trạm cấp cứu.



- *Biển số 445f*: Biển báo bến tàu khách - Biển được đặt ở cửa đường vào bến tàu khách.



- *Biển số 445g*: Biển chỉ dẫn khu danh lam thắng cảnh và du lịch - Biển được đặt tại cửa đường vào khu danh lam thắng cảnh và du lịch.



- *Biển số 445h*: Biển chỉ dẫn trạm xăng - Biển được đặt ở cửa vào trạm bán xăng dầu.



- *Biển số 445i*: Biển chỉ dẫn trạm rửa xe - Biển được đặt ở cửa đường vào trạm phục vụ rửa xe.



- *Biển số 445j*: Biển chỉ dẫn bến phà
- Biển được đặt tại đường ra bến phà.



- *Biển số 445k*: Biển báo ga tàu điện ngầm - Biển được đặt tại cửa đường vào ga tàu điện ngầm.



- *Biển số 445l*: Biển báo nhà hàng - Biển được đặt tại cửa đường vào khu dịch vụ ăn uống nằm trong khu du lịch dịch vụ.



- *Biển số 444m*: Biển báo trạm sửa chữa ô tô - Biển được đặt tại trạm sửa chữa ô tô.

Số hiệu biển báo: 446

Biển chỉ dẫn nhằm bảo đảm cho giao thông thông suốt, phòng tránh tai nạn.



- *Biển số 446a*: Biển báo đường trơn cần chạy chậm.



- *Biển số 446b*: Biển báo đường dốc, tầm nhìn hạn chế, chạy chậm và cần chú ý quan sát.



- *Biển số 446c*: Biển báo đoạn đường sương mù dày đặc, phải đi chậm.



- *Biển số 446d*: Biển báo đoạn đường có nền đường yếu, người điều khiển phương tiện giao thông phải cẩn thận.



- *Biển số 446e*: Biển báo xe cỡ lớn đi sát về bên phải.



- *Biển số 446f*: Biển báo chú ý gió quét ngang - Biển được đặt ở vị trí thích hợp nơi sắp sửa vào cầu lớn hoặc cửa núi thường có gió ngang cường độ mạnh.



- *Biển số 446g*: Biển chỉ dẫn báo đoạn đường nguy hiểm hay xảy ra tai nạn - Biển được đặt ở nơi thích hợp trước khi vào đoạn đường hay xảy ra tai nạn vì những lý do như đường quanh co hay thời tiết kém.



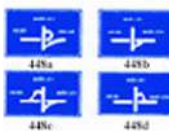
- *Biển số 446h*: Biển chỉ dẫn đường xuống dốc liên tục - Biển được đặt ở nơi thích hợp khi sắp vào đoạn đường xuống dốc liên tục, nhằm nhắc nhở người điều khiển phương tiện giao thông phải lái cẩn thận



Số hiệu biển báo: 447

Tên biển báo: **Biển báo phân đường cho người tàn tật**

Chi tiết: Dùng để biểu thị vị trí, thiết bị và phân đường chuyên dùng cho người tàn tật.



Số hiệu biển báo: 448a, 448b, 448c, 448d

Tên biển báo: **Chỉ dẫn cầu vượt liên thông**

Chi tiết: Đặt biển tại vị trí thích hợp trước khi vào cầu vượt

5. Các biển báo phụ trên hệ thống đường bộ Việt Nam

Biển phụ thường được đặt kết hợp với các biển báo nguy hiểm, biển báo cấm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn nhằm thuyết minh bổ sung để hiểu rõ hơn các biển đó. Biển phụ gồm 9 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 501 đến biển số 509.



Số hiệu biển báo: 501

Tên biển báo: **Phạm vi tác dụng của biển**

Chi tiết: Để thông báo chiều dài đoạn đường nguy hiểm hay đoạn đường phải thi hành lệnh cấm hoặc hạn chế.



Số hiệu biển báo: 502

Tên biển báo: **Khoảng cách đến đối tượng báo hiệu**

Chi tiết: Để thông báo khoảng cách thực tế từ vị trí đặt biển đến đối tượng báo hiệu ở phía trước.



Số hiệu biển báo: 503a

Tên biển báo: **Hướng tác dụng của biển**

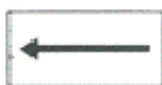
Chi tiết: Đặt bên dưới các biển báo cấm, biển hiệu lệnh để chỉ hướng tác dụng của biển là hướng bên phải vuông góc với chiều đi.



Số hiệu biển báo: 503b

Tên biển báo: **Hướng tác dụng của biển**

Chi tiết: Để chỉ đồng thời 2 hướng tác dụng (trái và phải) của biển chính hoặc được đặt với biển báo nhắc lại lệnh cấm và hiệu lệnh.



Số hiệu biển báo: 503c

Tên biển báo: **Hướng tác dụng của biển**

Chi tiết: Đặt bên dưới các biển báo cấm, biển hiệu lệnh để chỉ hướng tác dụng của biển là hướng bên trái vuông góc với chiều đi.



Số hiệu biển báo: 503d, 503e, 503f

Tên biển báo: **Hướng tác dụng của biển**

Chi tiết: Nội dung giống với biển

503a, 503b, 503c nhưng để chỉ hướng tác dụng của biển là các hướng song song với chiều đi.



Số hiệu biển báo: 504

Tên biển báo: **Làn đường**

Chi tiết: Biển được đặt bên dưới các biển báo cấm và biển hiệu lệnh hay bên dưới đèn hiệu để chỉ làn đường chịu hiệu lực của biển (hay đèn hiệu) báo lệnh cấm và hiệu lệnh trên làn đường đó.



Số hiệu biển báo: 505

Tên biển báo: **Loại xe**

Chi tiết: Biển được đặt bên dưới các biển báo cấm và biển hiệu lệnh hay biển chỉ dẫn để chỉ loại xe chịu hiệu lực của biển báo cấm, biển hiệu lệnh hay biển chỉ dẫn đối với riêng loại xe đó.



Số hiệu biển báo: 506a

Tên biển báo: **Hướng đường ưu tiên**

Chi tiết: Biển được đặt bên dưới biển chỉ dẫn số 401 trên đường ưu tiên để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông trên đường này biết hướng đường ưu tiên ở ngã tư.



Số hiệu biển báo: 506b

Tên biển báo: **Hướng đường ưu tiên**

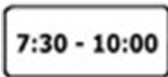
Chi tiết: Biển được đặt bên dưới biển số 208 (Giao với đường ưu tiên) và biển số 122 (Dừng lại) trên đường không ưu tiên để chỉ dẫn cho người điều khiển phương tiện giao thông trên đường này biết hướng đường ưu tiên ở ngã tư.



Số hiệu biển báo: 507

Tên biển báo: **Hướng rẽ**

Chi tiết: Biển được sử dụng độc lập để báo trước cho người điều khiển phương tiện giao thông biết gần đến chỗ rẽ nguy hiểm và để chỉ hướng rẽ.



Số hiệu biển báo: 508

Tên biển báo: **Biểu thị thời gian**

Chi tiết: Biểu thị thời gian có hiệu lực của biển chính.



Số hiệu biển báo: 509

Tên biển báo: **Chiều cao an toàn**

Chi tiết: Để bổ sung cho biển 239 “Đường cáp điện ở phía trên”, phải đặt biển số 509 “chiều cao an toàn”, biển này chỉ rõ chiều cao an toàn cho

các phương tiện đi qua đoạn đường có dây điện bên trên.

6. Hệ thống vạch kẻ đường trong giao thông đường bộ Việt Nam

Vạch kẻ đường là một dạng báo hiệu để hướng dẫn, điều khiển giao thông nhằm nâng cao an toàn và khả năng thông xe. Vạch kẻ đường chia làm hai loại: vạch nằm ngang và vạch nằm đứng.

Vạch kẻ đường có thể dùng độc lập hoặc có thể kết hợp với các loại biển báo hiệu đường bộ hoặc đèn tín hiệu chỉ huy giao thông.

Trong trường hợp ở một nơi vừa có vạch kẻ đường vừa có cả biển báo thì người điều khiển phương tiện giao thông phải tuân thủ theo sự điều khiển của biển báo hiệu.

Vạch tín hiệu giao thông trên mặt đường có tốc độ thiết kế $\leq 60\text{km/h}$.

a) Vạch nằm ngang:



Vạch số 1-1: Vạch liền, nét màu trắng, rộng 10 cm.

Vạch dùng để phân chia hai dòng phương tiện giao thông đi ngược chiều nhau, xác định ranh giới phân đường cấm, ranh giới nơi đỗ xe, ranh giới của làn xe ở vị trí nguy hiểm. Đối với vạch này xe không được đè lên vạch.



Vạch số 1-2: Vạch liền, màu trắng, rộng 20 cm.

Vạch dùng để xác định mép phần xe chạy trên các trục đường. Xe chạy được phép cắt ngang hoặc đè lên vạch khi cần thiết.



Vạch số 1-3: Là vạch kép (2 vạch liền tục) màu trắng, có chiều rộng bằng nhau và bằng 10 cm, cách nhau là 10 cm.

Vạch dùng để phân chia hai dòng phương tiện giao thông từ hai hướng ngược chiều nhau trên những đường có từ 4 làn đường trở lên. Xe chạy không được đè qua vạch.



Vạch số 1-4: Là vạch liền tục màu vàng có chiều rộng 10 cm, để xác định nơi cấm dừng và cấm đỗ xe.



Vạch số 1-5: Là vạch đứt quãng, màu trắng, rộng 10 cm, tỷ lệ $L1:L2 = 1:3$.

Vạch dùng để phân chia hai dòng phương tiện giao thông từ hai hướng ngược chiều nhau trên các đường có 2 hoặc 3 làn xe chạy. Xác định ranh giới làn xe khi có 2 hoặc trên 2 làn xe chạy theo một hướng.



Vạch số 1-6: Là vạch đứt quãng màu trắng, rộng 10 cm. Tỷ lệ $L1:L2 = 3:1$, dùng để báo hiệu gần đến vạch 1-1 hay 1-11, để phân chia dòng xe ngược chiều hay cùng chiều.



Vạch số 1-7: Là vạch đứt quãng màu trắng rộng 10 cm, khoảng cách giữa hai vạch là 50 cm.

Vạch được kẻ theo đường cong, theo chiều xe chạy ở chỗ giao nhau khi người điều khiển phương tiện giao thông cần định hướng chung để đảm bảo an toàn khi qua chỗ giao nhau.



Vạch số 1-8: Là vạch đứt quãng màu trắng rộng 40 cm.

Vạch dùng để quy định ranh giới làn xe tăng tốc độ hoặc giảm tốc độ (gọi là chuyển tới làn đường) và làn xe chính của phần xe chạy.



Vạch số 1-9: Là loại vạch kép (hai vạch) đứt quãng, song song, màu trắng rộng 10 cm và cách nhau 10 cm.

Vạch quy định ranh giới làn xe dự trữ mà trên làn này chiều xe chạy có thể thay đổi hoặc chiều thuận

hoặc chiều đi ngược lại. Sự thay đổi hướng xe được điều khiển bằng tín hiệu đèn xanh và đỏ đặt trên làn xe.



Vạch số 1-10: Là vạch đứt quãng màu vàng.

Vạch xác định vị trí hay khu vực cấm đỗ xe (được dùng xe).



Vạch số 1-11: Là hai vạch song song (vạch kép) màu trắng, một vạch đứt quãng và một vạch liền nét.

Vạch dùng để phân chia dòng phương tiện hai hướng ngược chiều nhau trên các đường có hai hoặc ba làn xe chạy. Người điều khiển phương tiện giao thông được phép cắt ngang qua vạch từ phía có vạch đứt quãng.



Vạch số 1-12: Vạch chỉ rõ vị trí xe phải dừng lại khi có biển báo số 122 (biển Stop - dừng lại) hoặc khi có tín hiệu đèn đỏ. Vạch này kẻ ngang toàn bộ đường của hướng xe chạy.

Trong trường hợp không có biển 122 hoặc không có đèn hay người điều khiển thì vạch 1-12 không có hiệu lực.



Vạch số 1-13: Là vạch hình tam giác cân màu trắng, vạch chỉ rõ vị trí mà người điều khiển phương tiện giao thông phải dừng để nhường cho các phương tiện khác ở đường ưu tiên.



Vạch số 1-14: Là vạch “sọc ngựa vằn” gồm các đường màu trắng song song với tim đường, rộng 40 cm, cách nhau 60 cm.

Vạch quy định nơi người đi bộ qua đường.



Vạch số 1-15: Vạch gồm hai vạch đứt quãng chạy song song, cách nhau 1.8 mét, chiều dài, chiều rộng và khoảng cách giữa các vạch của vạch đứt quãng bằng nhau và bằng 40 cm.

Vạch xác định vị trí chỗ xe đạp đi ngang qua xe đường của xe cơ giới. Xe đạp phải nhường đường cho phương tiện cơ giới chạy trên tuyến đường cắt ngang đường xe đạp.



Vạch số 1-16.1: Vạch “Ngựa vằn” màu trắng, xác định đảo phân chia dòng phương tiện ngược chiều nhau.



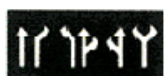
Vạch số 1-16.2: Vạch xác định đảo phân chia dòng phương tiện theo cùng một hướng. Tại đó, dòng phương tiện chạy cùng hướng được phân chia ra nhiều dòng (làn) khác nhau.



Vạch số 1-16.3: Đảo nhập dòng phương tiện. Tại đó, dòng phương tiện chạy cùng hướng nhập với nhau.



Vạch số 1-17: Vạch sơn sóng màu vàng quy định vị trí dừng của xe các phương tiện vận tải theo tuyến quy định hoặc nơi tập kết của tắc xi, cấm dừng hoặc đỗ của bất kỳ một loại phương tiện nào về cả hai phía và cách vạch 15cm.



Vạch số 1-18: Màu trắng chỉ dẫn các hướng đi cho phép của các làn xe ở nơi giao nhau. Người điều khiển phương tiện giao thông khi gặp biển này bắt buộc phải tuân theo mũi tên chỉ hướng đi.



Vạch số 1-19: Vạch màu trắng, vạch xác định sắp đến vị trí thắt hẹp của phần xe chạy, báo cho người điều khiển.

kiển phương tiện giao thông biết rằng số làn xe theo hướng mũi tên bị giảm và người điều khiển phương tiện giao thông phải từ từ chuyển làn theo hướng mũi tên.



Vạch số 1-20: Màu trắng, xác định sắp đến gần vạch 1-13 và biển báo số 108, khoảng cách đến vạch 1-13 theo tim đường từ 2-2,5m (đường cao tốc có thể lớn hơn), người điều khiển phương tiện giao thông được phép chạy đè lên vạch 1-13 không cần dừng lại.



Vạch số 1.21: Là chữ “Stop” (dừng lại) màu trắng, xác định gần đến vị trí dừng lại vạch 1-12 và biển báo số 122 (biển Stop - dừng lại). Vạch 1-21 cách vạch dừng xe từ 2-2,5m.

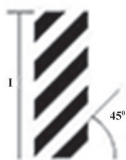


Vạch số 1.22: Là vạch chỉ số hiệu đường, được kẻ trên đường quốc lộ và được kẻ trực tiếp trên mặt đường xe chạy.

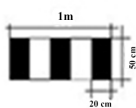


Vạch số 1.23: Là vạch chỉ làn xe dành cho ô tô khách chạy theo tuyến quy định.

b) Vạch nằm đứng:



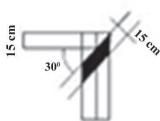
Vạch số 2.1: Xác định các bộ phận thẳng đứng của các công trình giao thông như trụ cầu, cầu vượt đường... để chỉ dẫn những chỗ nguy hiểm đối với phương tiện giao thông đi qua.



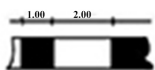
Vạch số 2.2: Là vạch trắng đen xen kẽ thẳng đứng, xác định cạnh dưới cùng của cầu và cầu vượt đường.



Vạch số 2.3: Là vạch đen trắng xen kẽ nằm ngang. Vạch kẻ xung quanh các cột tròn đặt trên các đảo an toàn hoặc trên giải phân cách và các nơi khác.



Vạch số 2.4: Là vạch xiên góc màu đen tạo với mặt phẳng ngang góc 30° rộng 15 cm dùng để kẻ trên các cột tín hiệu, cột rào chắn, cọc tiêu.



Vạch số 2.5: Kẻ ở thành rào có chắn, chỗ đường vòng có bán kính nhỏ, đường cao hơn so với khu vực xung quanh, dốc xuống với những nơi nguy hiểm khác.



Vạch số 2.6: Kẻ trên thành rào chắn bố trí ở những nơi đặc biệt nguy hiểm.



Vạch số 2.7: Kẻ ở thành các vĩa hè nơi nguy hiểm, thành dọc của đảo an toàn.

7. Cọc tiêu hoặc tường rào bảo vệ được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

8. Hàng rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, ở đầu cầu, đầu cống, ở đầu các đoạn đường cấm, đường cắt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

9. Chấp hành báo hiệu đường bộ

Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ. Nhưng cần chú ý:

- Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;

- Tại nơi có biển báo cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

Phần 2

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC SINH KHI THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Những tín hiệu giao thông học sinh, sinh viên cần biết khi đi đường

Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

Trong quá trình tham gia hoạt động giao thông, mọi người có thể gặp cùng một lúc xuất hiện các hình thức báo hiệu; vì vậy, phải nắm được quy định về thứ tự hiệu lực đối với các tín hiệu đó. Cần lưu ý như sau:

- Khi đồng thời có các hình thức báo hiệu ở cùng một khu vực mà ý nghĩa của chúng khác nhau thì người sử dụng đường phải chấp hành hiệu lệnh theo thứ tự quy định như sau:

- + Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.
- + Tín hiệu đèn hoặc cờ.

+ Hiệu lệnh của biển báo hiệu .

+ Vạch kẻ đường.

- Khi ở chỗ đã có biển báo hiệu đặt cố định lại có biển báo hiệu khác đặt có tính chất tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển đặt tạm thời.

- Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

Theo Luật giao thông đường bộ đã được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 13-11-2008 tại kỳ họp thứ 4, có hiệu lực thi hành từ 01-7-2009 (sau đây gọi là Luật giao thông đường bộ năm 2008). Về tín hiệu giao thông được quy định ở Điều 10, cụ thể như sau:

“ ...

1. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

2. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông quy định như sau:

a) Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

c) Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

3. Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:

a) Tín hiệu xanh là được đi;

b) Tín hiệu đỏ là cấm đi;

+ Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường ...”.

Cần lưu ý, trong một số trường hợp gặp tín hiệu mũi tên của đèn xanh phụ, các phương tiện giao

thông được phép đi theo hướng chỉ của mũi tên, nhưng phải chú ý nhường đường cho các phương tiện đang đi theo hướng có đèn xanh chính.

Tín hiệu nhấp nháy: Báo hiệu rằng thời gian đèn xanh chuẩn bị kết thúc và chuyển sang tín hiệu vàng.

Ngoài ra, khi tham gia giao thông cũng cần nắm vững và chấp hành các quy định của các biển báo hiệu trên hệ thống đường bộ Việt Nam.

2. Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi bộ

- Theo Điều 32, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định đối với người đi bộ khi tham gia giao thông cần phải chấp hành:

+ Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

+ Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

+ Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

+ Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ.

+ Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt; mọi người có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường.

- Luật giao thông đường bộ năm 2008 cũng quy định rất cụ thể đối với người khuyết tật, người già yếu khi tham gia giao thông (Điều 33). Vì thế, học sinh các cấp học, kể cả học sinh bậc tiểu học cũng cần biết để có trách nhiệm giúp đỡ họ. Các quy định cụ thể đối với người khuyết tật, người già yếu khi tham gia giao thông đó là:

+ Người khuyết tật sử dụng xe lăn không có động cơ được đi trên hè phố và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ.

+ Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết đó là người khiếm thị.

+ Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người già yếu khi đi qua đường.

- Đối với các tuyến đường ngoài khu vực đông dân cư, những trường hợp dẫn dắt súc vật khi đi trên đường bộ cũng phải chấp hành quy định của

Luật giao thông đường bộ năm 2008, các quy định đó được quy định tại Điều 34 như sau:

+ Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

+ Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

3. Những trường hợp học sinh khi đi bộ thường vi phạm

a) Không đi bộ trên hè phố, lề đường; không đi bộ sát mép đường.

b) Khi có nhu cầu sang đường thì đi bộ tùy tiện qua đường ở mọi chỗ, mọi nơi; không tuân thủ quy định của đèn tín hiệu, của vạch kẻ đường.

c) Đi bộ ở những đường có mật độ xe cơ giới đông; tùy tiện trèo, vượt qua dải phân cách,...

d) Chạy theo và đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy;

đ) Đi lại mang vác vật cồng kềnh gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

e) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

- Tại Điều 9, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

giao thông đường bộ và đường sắt đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 (sau đây viết tắt là Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung), có quy định xử phạt người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không đi đúng phần đường quy định trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này;

(b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;

(c) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông.

(2) Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;

(b) Vượt qua giải phân cách; đi qua đường không đúng nơi quy định hoặc không bảo đảm an toàn;

(c) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

(3) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với người đi bộ đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

- Trong thực tế hiện nay, nhiều em học sinh trung học phổ thông đi học bằng phương tiện vận

tải công cộng; do đó cũng cần nắm vững các quy định của pháp luật giao thông đường bộ. Tại điều 32, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt hành khách đi xe vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông, như sau:

(1) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không chấp hành hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và các quy định bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

(b) Gây mất trật tự trên xe.

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Mang hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm hoặc hàng cấm lưu thông trên xe khách;

(b) Đe dọa, xâm phạm, sức khỏe hoặc xâm phạm tài sản của người khác đi trên xe;

(c) Đu, bám vào thành xe; đứng, ngồi, nằm trên mũ xe, nóc xe, trong khoang chở hành lý; tự ý mở cửa xe hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn khi xe đang chạy.

(3) Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức tịch thu hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm, hàng cấm lưu thông mang theo trên xe khách.

4. Những vấn đề về an toàn giao thông đường bộ khi đi xe đạp

a) Đi xe đạp như thế nào thì bảo đảm an toàn?

Đối với học sinh, do phải đi lại nhiều để học chính khóa, học thêm các môn học cần thiết để tham dự kỳ thi tuyển vào các trường đại học và cao đẳng hoặc để tham gia các hoạt động sinh hoạt lớp, tình nguyện, vui chơi giải trí văn nghệ, thể dục thể thao,... trong đó, có rất nhiều trường hợp phải đi xe đạp trong quá trình tham gia giao thông, mặt khác, nghiên cứu về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh cho thấy: đây là tuổi trẻ, “chuẩn bị thành người lớn”, có tính hiếu động, thích cái mới, thích thể hiện,... nhưng vấn đề lựa chọn hành vi lại chưa tốt, dễ bột phát, khả năng (bản lĩnh) kiềm chế hành vi chưa được như mong muốn. Vì vậy, nếu để xảy ra tai nạn trong quá trình đi xe đạp thì sẽ gây nên bất hạnh cho gia đình và xã hội.

Cũng như đối với những người tham gia giao thông khác, học sinh khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, phải điều chỉnh hành vi của mình khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác theo đúng những quy định pháp luật, hội tụ đầy đủ các yếu tố khoa học và pháp lý; có như vậy mới bảo đảm giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương của xã hội.

b) Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi xe đạp:

Theo các Điều 31, Điều 56 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định đối với người điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác khi tham gia giao thông phải chấp hành như sau:

- Khi tham gia giao thông, xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện an toàn giao thông đường bộ;

- Người điều khiển xe đạp chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.

- Người điều khiển xe đạp phải thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể là người điều khiển xe đạp không được thực hiện các hành vi sau:

+ Đi xe dàn hàng ngang;

+ Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;

+ Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;

+ Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh;

+ Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

+ Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Người ngồi trên xe đạp khi tham gia giao thông phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể là

người ngồi trên xe đạp không được thực hiện các hành vi sau:

- + Mang, vác vật công kên;
- + Sử dụng ô;
- + Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- + Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

+ Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.
- Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

- Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi đi ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe. Người điều khiển xe súc vật kéo phải có biện pháp bảo đảm vệ sinh trên đường.

- Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

c) Những trường hợp học sinh khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ thường vi phạm:

+ Đi xe dàn hàng ngang, dàn hàng 3, hàng 4 lấn chiếm lòng đường;

- + Vượt đèn đỏ;
- + Đi vào đường ngược chiều;
- + Buông cả hai tay hoặc nhấc bánh trước đi xe đạp bằng một bánh sau;

+ Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;

- + Sang đường, chuyển hướng không quan sát;
- + Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;
- + Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác;
- + Điều khiển xe đạp lạng lách, đánh võng;
- + Điều khiển xe đạp đèo 3, hoặc 4 người;
- + Để người ngồi phía sau mang, vác vật cồng kềnh;
- + Để người ngồi sau sử dụng ô che nắng;
- + Để người ngồi sau bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

+ Để người ngồi sau đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc không ngồi sau mà lại ngồi trên tay lái;

d) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

Tại Điều 8, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

(b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;

(c) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm h, khoản 2; điểm e khoản 4 Điều này;

(d) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

(đ) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị có lề đường;

(e) Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phát sáng báo hiệu; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

(g) Xe đạp, xe đạp máy đi dàn hàng ngang từ ba xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

(h) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô, điện thoại di động; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô;

(i) Xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang.

(2) Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông;

(b) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;

(c) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

(d) Dùng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông;

(đ) Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(e) Xe đạp, xe đạp máy, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

(g) Xếp hàng hóa vượt quá giới hạn quy định, không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông; che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

(h) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng.

(3) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy;

(b) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

(c) Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật cồng kềnh; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác.

(4) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;

(b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;

(c) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

(d) Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

(đ) Chở người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(e) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”; đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

(5) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần

hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện.

5. Khi được người khác chở trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp

Người khác ở đây được hiểu là những người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy, xe đạp.

Quy định của pháp luật đối với người ngồi trên xe máy, xe đạp như sau (Điều 30, Điều 31 Luật giao thông đường bộ năm 2008) như sau:

- + Phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách;
- + Không được mang, vác vật cồng kềnh;
- + Không được sử dụng ô;
- + Không được bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- + Không được đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- + Không được có hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

6. Những quy định và những điều cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

a) Những quy định khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

Khoản 2 Điều 58, Luật giao thông đường bộ

năm 2008 quy định: người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

+ Đăng ký xe;

+ Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³;

Giấy phép lái xe hạng A2 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi - lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 60 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định độ tuổi của người lái xe mô tô như sau:

+ Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³;

+ Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

Điều 30, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy như sau:

- Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- + Chở người bệnh đi cấp cứu;
- + Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.
- + Trẻ em dưới 14 tuổi;

- Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách;

- Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- + Đi xe dàn hàng ngang;
- + Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;
- + Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;
- + Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh;
- + Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;
- + Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Trong thực tế, vì cuộc sống mưu sinh mà ở địa bàn vùng nông thôn, một số học sinh trung học phổ thông (đủ 18 tuổi) sử dụng xe mô tô, xe gắn máy

để vận chuyển khách hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, cần nắm vững quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BGTVT ngày 23-6-2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa, và Thông tư số 46/2014/TT-BGTVT ngày 06-10-2014 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2009/TT-BGTVT, cụ thể tại Điều 3 có một số quy định như sau:

- Đối với người điều khiển: Khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

+ Đăng ký xe;

+ Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới theo quy định.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

+ Trang bị mũ bảo hiểm cho hành khách đi xe đối với các loại xe bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm.

Ngoài ra, người điều khiển phương tiện giao thông phải có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn. Phải có hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ. Đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, người điều khiển phải có biển hiệu hoặc trang phục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định để nhận biết với các đối tượng tham gia giao thông khác.

- Đối với phương tiện vận chuyển Điều 4 Thông tư này nêu rõ: Phải bảo đảm các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

b) Những quy định về tốc độ khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy:

Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17-7-2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, tại Điều 4 quy định về nguyên tắc chung khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên bộ như sau:

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa hai xe cơ giới được ghi trên biển báo hiệu đường bộ; tại những đoạn đường không có biển báo hiệu đường bộ quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa lái xe cơ giới, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện các quy định tại Thông tư này.

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải điều khiển xe chạy với tốc độ phù hợp với điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết để bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 5 Thông tư này quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ: Người điều khiển phương

tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

+ Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

+ Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;

+ Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao cắt đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận;

+ Qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;

+ Qua khu vực có trường học vào giờ học sinh đến trường hoặc tan trường; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông;

+ Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường;

+ Có súc vật đi trên đường hoặc chặn thả ở sát đường;

+ Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt;

+ Đến gần bến xe buýt, điểm dừng đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;

+ Gặp đoàn xe ưu tiên; gặp xe quá khổ, quá tải, xe chở hàng nguy hiểm; vượt đoàn người đi bộ;

+ Trời mưa; có sương mù; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.

Điều 6, Điều 7 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT quy định về tốc độ tối đa cho phép xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ trong và ngoài khu vực đông dân cư như sau:

- Tốc độ tối đa cho phép xe mô tô; xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ trong khu vực đông dân cư là 40 km/h.

- Tốc độ tối đa cho phép xe mô tô tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư là 60 km/h.

- Tốc độ tối đa cho phép xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư là 50 km/h.

c) Một số hành vi nghiêm cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy:

Đối với các hành vi bị nghiêm cấm: Tại Điều 8, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định 23 khoản, trong đó quy định nghiêm cấm người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy có các hành vi sau:

+ Đưa xe cơ giới không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

+ Đua xe, cố vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

+ Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

+ Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

+ Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

+ Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

+ Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

+ Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

+ Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

+ Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

+ Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

+ Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

+ Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

+ Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

d) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

Tại Điều 6, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định ở điểm a, điểm đ, điểm h khoản 2; điểm c, điểm đ, điểm h, điểm o khoản 3; điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4; điểm a, điểm c, điểm d khoản 5; điểm đ khoản 6; điểm d khoản 7 Điều này;

(b) Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt;

(c) Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”;

(d) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;

(đ) Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;

(e) Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

(g) Sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều;

(h) Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; người ngồi trên xe sử dụng ô;

(i) Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

(b) Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 (ba) xe trở lên;

(c) Không sử dụng đèn chiếu sáng khi trời tối hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn;

(d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(đ) Tránh xe không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

(e) Bấm còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ không có tín hiệu còi, cờ, đèn theo đúng quy định;

(h) Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe.

(3) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

(b) Không giảm tốc độ hoặc không nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

(c) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

(d) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp mà không đi bên phải phần đường xe chạy gây cản trở giao thông;

(đ) Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trên cầu, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật;

(e) Bấm còi, rú ga liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên;

(h) Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, trên cầu, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 48 Nghị định này;

(i) Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc

đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

(k) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(l) Chở theo 02 (hai) người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

m) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này;

(n) Người ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước;

(o) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

(4) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ;

(b) Chở theo từ 03 (ba) người trở lên trên xe;

(c) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng;

(d) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

đ) Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

(e) Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;

(g) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố;

(h) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

(i) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

(k) Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; người ngồi trên xe đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;

(l) Chở hàng vượt trọng tải thiết kế được ghi trong Giấy đăng ký xe đối với loại xe có quy định về trọng tải thiết kế;

(m) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông.

(5) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

(b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

(c) Vượt xe trong những trường hợp cấm vượt, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 Điều này;

(d) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

(đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

(6) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;

(b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ;

(c) Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông;

(d) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

(đ) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h;

(e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

(7) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;

(b) Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

(c) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

(d) Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

(8) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 7 Điều này mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ.

(9) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 24 tháng (trong trường hợp có Giấy phép lái xe) hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng (trong trường hợp không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đang bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe) đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy.

(10) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

(a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g khoản 3 Điều này bị tịch thu còi, cờ, đèn sử dụng trái quy định;

(b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm i, điểm m khoản 4; điểm b khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 01 tháng;

(c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 6; Khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng

Giấy phép lái xe 02 tháng; tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 04 tháng, tịch thu phương tiện. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 02 tháng: điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm h khoản 2; điểm a, điểm đ, điểm g, điểm h, điểm o khoản 3; điểm b, điểm c, điểm e, điểm g, điểm i, điểm k, điểm m khoản 4; điểm b, điểm d khoản 5;

(d) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 04 tháng.

Tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 21 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới, như sau:

(1) Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

(b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;

(c) Người điều khiển xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.

...

(4) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

...

(5) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này.

...

(7) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên, xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

(a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng từ 06 (sáu) tháng trở lên;

(b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

(8) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, điểm b khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

đ) Hình thức xử lý khác:

Tại Điều 75, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định tạm giữ phương tiện giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm, như sau:

(1) Để ngăn chặn ngay vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được phép tạm giữ phương tiện đến 07 (bảy) ngày trước khi ra quyết định xử phạt đối với những hành vi vi phạm được quy định tại các điều, khoản, điểm sau đây của Nghị định này:

(a) Điểm b khoản 5; điểm b, điểm d khoản 7; khoản 8; khoản 10 điều 5;

(b) Điểm b khoản 5; điểm b, điểm e khoản 6; khoản 7; khoản 8; khoản 9 điều 6;

(c) Điểm d khoản 4; điểm a khoản 6; khoản 7; khoản 8 điều 7;

(d) Điểm d, điểm đ khoản 4 điều 8 trong trường hợp người vi phạm là người dưới 16 tuổi và điều khiển phương tiện;

(đ) Khoản 4; điểm d, điểm đ khoản 5 điều 16;

(e) Khoản 3 điều 17;

(g) Điểm a, điểm đ khoản 1 điều 19;

(h) Khoản 1; điểm a, điểm c khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7 điều 21.

2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.

3. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 75 nêu trên, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.

7. Một số hành vi vi phạm khác học sinh cần lưu ý

Ngoài các vấn đề đã đề cập ở trên, do điều kiện khu vực sân vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động thể dục, thể thao bó hẹp hoặc không có nên học sinh trung học phổ thông còn có một số hành vi vi phạm khác ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, những vi phạm phổ biến đó là:

- + Đá bóng, đá bóng lăn, hoặc chạy lấy bóng dưới lòng đường;
- + Đánh cầu lông dưới lòng đường;
- + Đá cầu dưới lòng đường;
- + Đẩy xe đạp dưới lòng đường khi vui chơi giải trí.

Phần 3

CÁC NHÓM HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THƯỜNG GẶP ĐỐI VỚI HỌC SINH

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ là những hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông đường bộ; Các hành vi vi phạm quy định về người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về vận tải đường bộ; các hành vi vi phạm khác liên quan đến giao thông đường bộ.

Nghiên cứu đặc điểm của nhóm đối tượng vi phạm là học sinh cho thấy, các vi phạm chủ yếu của nhóm đối tượng này tập trung vào các hành vi: vi phạm về quy tắc giao thông đường bộ; vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông và vi phạm quy định về người điều khiển phương tiện giao thông.

I. VI PHẠM CÁC QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ là các hành vi xâm hại mà người điều khiển xe ô tô, mô tô, xe đạp và người đi bộ vi phạm các quy định về quy tắc an toàn giao thông khi tham gia vào hoạt động giao thông đường bộ. Các hành vi vi phạm quy tắc khi tham gia giao thông của nhóm đối tượng là học sinh phổ thông có thể được chia làm ba nhóm vi phạm chính, đó là: các vi phạm của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy; các vi phạm của người đi xe đạp; và các vi phạm của người đi bộ.

1. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

Những hành vi vi phạm các quy tắc giao thông đường bộ của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện, các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy (kể cả xe ba gác máy, xe lôi máy) có thể chia làm các nhóm vi phạm chính sau:

a) *Vi phạm phần đường khi tham gia giao thông*: Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố;

b) *Nhóm vi phạm các quy tắc về dừng, đỗ phương tiện*:

- Không thực hiện đúng các quy định dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt; dừng xe, đỗ xe tại nơi có biển cấm dừng, cấm đỗ, trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, trên cầu;

- Tránh xe, vượt xe không đúng quy định; không nhường đường theo quy định tại các nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

- Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định của pháp luật;

- Dừng xe, đỗ xe tại các vị trí: trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường, ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông;

c) *Nhóm vi phạm các quy tắc tránh vượt*:

- Không báo hiệu trước khi xin vượt;

- Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

d) Nhóm vi phạm các quy tắc chuyển hướng phương tiện:

- Chuyển hướng không nhường đường cho người đi bộ tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường hoặc cho người điều khiển xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho họ;

- Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc;

đ) Nhóm vi phạm các quy định về tốc độ:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

- Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

e) Không chấp hành các tín hiệu chỉ huy giao thông:

- Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường.

- Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao;

- Không tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông tại nơi ùn tắc giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông; không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên;

g) Các vi phạm khác, bao gồm:

- Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động, tai nghe (trừ người khiếm thính); người ngồi trên xe sử dụng ô;

- Tụ tập từ 3 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trên cầu, trong hầm đường bộ;

- Không tuân thủ khoảng cách an toàn tối thiểu khi điều khiển xe chạy trên đường cao tốc;

- Chở quá 1 (một) người so với số người được phép chở (một người lớn và một trẻ em dưới 7 tuổi), trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người phạm tội;

- Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 (ba) xe trở lên; đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe kéo đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác, chở vật công kênh;

- Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm hoặc có mũ bảo hiểm nhưng không cài quai khi đi trên đường theo quy định;

- Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông;

- Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

- Điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ;

- Vượt xe trong những trường hợp cấm vượt hoặc điều khiển xe chuyển hướng đột ngột ngay trước đầu xe khác;

- Dùng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;

- Sử dụng các loại xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên trái quy định;

- Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông;

- Điều khiển xe hai, ba bánh lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

- Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

- Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe hai, ba bánh; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; đứng trên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy;

- Điều khiển xe hai, ba bánh thành nhóm từ 2 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

2. Người đi xe đạp

Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ của người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, xe đạp điện, người điều khiển xe thô sơ khác bao gồm các hành vi:

a) *Vi phạm phần đường khi tham gia giao thông:* Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

b) *Nhóm vi phạm các quy tắc về dừng, đỗ phương tiện:*

- Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị có lề đường;

- Đỗ xe ở lòng đường, hè phố trái quy định của pháp luật;

- Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phản quang; dừng xe, đỗ xe trong hầm không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

- Đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao

thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gậy cản trở giao thông;

- Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt;

- Không nhường đường hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

- Dừng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường giao thông, trên đường phố gây cản trở giao thông;

c) Nhóm vi phạm các quy tắc tránh vượt:

- Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

- Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Nhóm vi phạm các quy tắc chuyển hướng phương tiện: Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;

d) Không chấp hành các tín hiệu chỉ huy giao thông:

- Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc khi ùn tắc giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường.

- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

e) Các vi phạm khác, bao gồm:

- Xe đạp, xe đạp điện đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

- Người điều khiển xe đạp, xe đạp điện sử dụng ô, điện thoại di động, người ngồi trên xe đạp, xe đạp điện sử dụng ô;

- Xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang.

- Xe đạp, xe đạp điện, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

- Hàng xếp trên xe không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông; che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

- Điều khiển xe đạp, xe đạp điện buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp điện;

- Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều;

- Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác; mang vác, chở vật cồng kềnh.

- Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;

- Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp điện; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;

- Khi xảy ra tai nạn không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo

với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

3. Người đi bộ

Người đi bộ khi tham gia giao thông thường có các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

- Không đi đúng phần đường quy định;
- Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;
- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông.
- Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;
- Trèo qua dải phân cách; đi qua đường không bảo đảm an toàn;
- Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

II. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA PHƯƠNG TIỆN KHI THAM GIA GIAO THÔNG

Vi phạm các quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông là các hành vi vi phạm các tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, vi phạm các thể lệ hành chính của phương tiện tham gia giao thông, bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:

- Điều khiển xe không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; đèn tín hiệu; gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng;

- Gắn biển số không đúng quy định; biển số mờ; biển số bị bẻ cong; biển số bị che lấp; biển số bị hỏng.

- Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Sử dụng còi không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe;

- Không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Không có đèn chiếu sáng gần, xa hoặc có nhưng không có tác dụng.

- Không có giấy đăng ký xe theo quy định;

- Sử dụng giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Không gắn biển số (nếu có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với số hoặc ký hiệu trong giấy đăng ký; biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

- Điều khiển xe tự sản xuất, lắp ráp.

III. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI KHI THAM GIA GIAO THÔNG

Vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện cơ giới khi tham gia giao thông

là các hành vi vi phạm các quy định về độ tuổi, thể lệ hành chính theo quy định của pháp luật, bao gồm các vi phạm sau đây:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

- Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không mang theo giấy đăng ký xe; không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

- Người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy phép lái xe.

- Người điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa;

- Người điều khiển xe ô tô không mang theo giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô có giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn;

- Điều khiển xe ô tô không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

- Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô có giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển; không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

IV. HÌNH THỨC XỬ PHẠT

Để bảo đảm việc thi hành các quy định về xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ, người vi phạm có thể bị áp dụng một trong các biện pháp xử phạt chính, bao gồm: phạt cảnh cáo và phạt tiền. Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt (khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép; buộc thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; ngoài ra, còn phải thực hiện các biện pháp khác quy định tại Chương 2, Chương 3 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung như: buộc phải xếp, dỡ hàng theo quy định, thu dọn đĩnh, vật sắc nhọn; tháo dỡ dây, các vật cản và làm sạch mặt đường giao thông do vi phạm hành chính gây ra...

Xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo (theo quy định tại Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính được nêu ở trên. Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá một phần hai mức tiền phạt đối với người thành niên; trường hợp không có tiền nộp phạt hoặc không có khả năng thực hiện biện pháp

khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay. Trong quá trình xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, bí mật riêng tư của người chưa thành niên phải được tôn trọng và bảo vệ (các khoản 3, khoản 4 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Phần 1	
NHỮNG TÍN HIỆU GIAO THÔNG HỌC SINH CẦN BIẾT KHI ĐI TRÊN ĐƯỜNG NHẪM BẢO ĐẢM AN TOÀN	11
1. Các biển báo cấm trên hệ thống đường bộ Việt Nam	12
2. Các biển báo nguy hiểm trên hệ thống đường bộ Việt Nam	25
3. Các biển hiệu lệnh trên hệ thống đường bộ Việt Nam	45
4. Các biển chỉ dẫn giao thông trên hệ thống đường bộ Việt Nam:	51
5. Các biển báo phụ trên hệ thống đường bộ Việt Nam	71
6. Hệ thống vạch kẻ đường trong giao thông đường bộ Việt Nam	75
7. Cọc tiêu hoặc tường rào bảo vệ	83
8. Hàng rào chắn	83
9. Chấp hành báo hiệu đường bộ	83
Phần 2	
NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC SINH KHI THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ	84
1. Những tín hiệu giao thông học sinh, sinh viên cần biết khi đi đường	84

2. Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi bộ	87
3. Những trường hợp học sinh khi đi bộ thường vi phạm	89
4. Những vấn đề về an toàn giao thông đường bộ khi đi xe đạp	92
5. Khi được người khác chở trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp	99
6. Những quy định và những điều cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	99
7. Một số hành vi vi phạm khác học sinh cần lưu ý	120

Phần 3

CÁC NHÓM HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THƯỜNG GẶP ĐỐI VỚI HỌC SINH	121
I. Vi phạm các quy tắc giao thông đường bộ	122
1. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	122
2. Người đi xe đạp	127
3. Người đi bộ	130
II. Vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông	130
III. Vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện cơ giới khi tham gia giao thông	131
IV. Hình thức xử phạt	133

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
PHẠM VIỆT

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
Đại tá NGUYỄN HỒNG THÁI

P. GIÁM ĐỐC - P. TỔNG BIÊN TẬP
ThS. MÃ DUY QUÂN

Biên tập nội dung:	TRẦN QUỐC THẮNG NGUYỄN HOÀNG YẾN
Trình bày bìa:	NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính:	LÊ MINH ĐỨC
Sửa bản in:	NGUYỄN SƠN LÂM
Đọc sách mẫu:	TRẦN QUỐC THẮNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

- HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2008

VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

- LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH NĂM 2012

VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH



8935211177581

ISBN:978-604-57-2009-7



9 786045 720097

SÁCH KHÔNG BÁN